



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2014

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 38

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2014


Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.295.337.875	6.977.778.926
110	I. Tiền		913.137.052	1.547.434.971
111	1. Tiền	4	913.137.052	1.547.434.971
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.911.912.220	4.896.625.397
131	1. Phải thu khách hàng	6	366.948.857	266.389.930
132	2. Trả trước cho người bán	7	149.718.491	174.358.988
135	3. Các khoản phải thu khác	8	6.395.244.872	4.455.876.479
140	IV. Hàng tồn kho		340.051.841	430.469.806
141	1. Hàng tồn kho	9	340.051.841	430.469.806
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		48.453.522	21.465.512
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.249.955	3.353.890
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		17.184.999	9.327.311
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	919.928
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		29.018.568	7.864.383
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.435.383.223	14.749.502.651
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.825.850.712	3.636.154.213
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	3.825.850.712	3.636.154.213
220	II. Tài sản cố định		460.506.214	601.569.859
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	330.801.776	345.055.354
222	Nguyên giá		443.135.891	440.944.357
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(112.334.115)	(95.889.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	53.311.641	64.469.255
228	Nguyên giá		57.360.406	67.103.840
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.048.765)	(2.634.585)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	76.392.797	192.045.250
240	III. Bất động sản đầu tư	14	14.376.131	14.751.160
241	1. Nguyên giá		15.001.180	15.001.180
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(625.049)	(250.020)
250	IV. Các khoản đầu tư dài hạn		11.088.650.787	10.434.072.301
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	10.097.451.550	10.064.072.560
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	43.829.500	5.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16	947.369.737	364.999.741
260	V. Tài sản dài hạn khác		45.999.379	62.955.118
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	45.531.819	62.487.558
268	2. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.730.721.098	21.727.281.577

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		12.023.169.663	10.210.923.764
310	I. Nợ ngắn hạn		6.543.033.089	5.340.419.457
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	3.397.845.055	2.531.117.421
312	2. Phải trả người bán	19	61.229.927	45.314.463
313	3. Người mua trả tiền trước	20	800.083.661	539.864.629
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	14.557.830	36.678.722
315	5. Phải trả người lao động		9.131.403	6.689.661
316	6. Chi phí phải trả	22	153.654.824	213.643.139
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	23	2.056.963.628	1.915.062.194
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		49.566.761	52.049.228
330	II. Nợ dài hạn		5.480.136.574	4.870.504.307
333	1. Phải trả dài hạn khác		8.078.876	7.890.919
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	5.472.057.698	4.862.613.388
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.707.551.435	11.516.357.813
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	11.707.551.435	11.516.357.813
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.181.546.930
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.544.438.784
414	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	-
417	4. Quỹ đầu tư, phát triển		8.622.737	8.622.737
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		231.398.596	230.027.423
420	6. Lợi nhuận chưa phân phối		29.458.488	551.721.939
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.730.721.098	21.727.281.577



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 10 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	228.772.727	214.004.896	809.700.972	798.441.591
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(115.977)	(158.605)	(1.172.421)	(380.832)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	228.656.750	213.846.291	808.528.551	798.060.759
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(158.498.087)	(170.294.423)	(608.927.739)	(674.485.693)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.158.663	43.551.868	199.600.812	123.575.066
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	379.347.433	243.508.641	848.487.944	919.163.289
22	7. Chi phí tài chính	28	(223.107.805)	(233.326.772)	(702.922.521)	(784.018.336)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(245.293.408)	(216.171.076)	(685.148.827)	(727.740.826)
24	8. Chi phí bán hàng		(9.244.459)	(13.853.670)	(43.220.723)	(44.245.015)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(21.532.187)	(20.405.128)	(70.824.578)	(63.609.099)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		195.621.645	19.474.939	231.120.934	150.865.905
31	11. Thu nhập khác	29	1.226.231	15.302.676	3.475.922	20.558.340
32	12. Chi phí khác	29	(1.160.577)	(20.889.318)	(2.874.990)	(40.377.672)
40	13. Lãi (lỗ) khác	29	65.654	(5.586.642)	600.932	(19.819.332)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		195.687.299	13.888.297	231.721.866	131.046.573
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(19.523.771)	-	(28.134.881)	(32.003.287)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	(329.723)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		176.163.528	13.888.297	203.586.985	98.713.563



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 10 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2014

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		231.721.866	131.046.573
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12,14	18.664.408	17.969.958
03	Các khoản dự phòng		-	5.378.781
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(839.034.227)	(922.763.172)
06	Chi phí lãi vay	28	685.148.827	727.740.826
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		96.500.874	(40.627.034)
09	Tăng các khoản phải thu		(78.053.826)	(761.627.596)
10	Giảm hàng tồn kho		90.417.965	99.582.778
11	Tăng các khoản phải trả		278.130.242	425.604.556
12	Giảm chi phí trả trước		18.155.186	45.706.028
13	Tiền lãi vay đã trả		(738.592.685)	(714.591.799)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(49.894.060)	(7.408.264)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.535.124)	(7.548.928)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(396.871.428)	(960.910.259)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(46.313.565)	(18.000.608)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		50.836.802	5.217.657
23	Tiền chi cho vay		(4.563.172.255)	(1.857.784.410)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.395.305.606	1.769.969.040
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(337.199.590)	(2.060.626.905)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		177.867.270	1.693.357.500
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		411.340.729	180.562.714
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.911.335.003)	(287.305.012)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.052.599.770
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		5.590.254.405	3.518.599.839
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.916.345.893)	(3.080.505.853)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.673.908.512	1.490.693.756
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong kỳ		(634.297.919)	242.478.485
60	Tiền đầu kỳ	4	1.547.434.971	782.646.261
70	Tiền cuối kỳ	4	913.137.052	1.025.124.746



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng





Ông Nguyễn Văn Sự
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 10 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi hai (24) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý III năm 2014 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	-	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn trái phiếu;
- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4. TIỀN

	<i>Ngân VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Tiền gửi ngân hàng	911.369.571	1.546.712.424
Tiền mặt tại quỹ	1.709.570	711.344
Tiền đang chuyển	57.911	11.203
TỔNG CỘNG	913.137.052	1.547.434.971

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	128.166.369	101.925.189
Phải thu tiền bán căn hộ	97.283.272	90.053.163
Phải thu hợp đồng xây dựng	71.961.234	74.411.578
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	69.537.982	-
TỔNG CỘNG	366.948.857	266.389.930

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 207.384.966 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	149.718.491	131.871.026
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	-	42.487.962
TỔNG CỘNG	149.718.491	174.358.988

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 94.568.620 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	4.739.607.931	2.834.606.377
Cho vay ngắn hạn các công ty	1.393.935.204	1.271.809.824
Phải thu từ bán khoản đầu tư	182.049.780	300.241.600
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	5.050.331	4.062.480
Các khoản khác	74.601.626	45.156.198
TỔNG CỘNG	6.395.244.872	4.455.876.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	236.986.916	360.052.776
Sản phẩm dở dang	44.294.143	29.632.387
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	32.550.851	18.508.408
<i>Sản xuất</i>	11.428.212	10.949.406
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	315.080	174.573
Hàng hóa	17.109.711	23.154.428
Nguyên vật liệu	15.894.406	651.854
Thành phẩm	14.690.882	11.219.900
Vật liệu xây dựng	10.427.803	4.952.734
Công cụ, dụng cụ	647.980	805.727
TỔNG CỘNG	340.051.841	430.469.806

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV – HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013. Khoản vay này được bảo đảm bởi ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay và có lãi suất là 13% mỗi năm. Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL – AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, các tài sản của An Phú sau khi thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo khác thì số còn lại sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>						
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	320.323.155	60.582.987	47.848.342	3.926.700	6.689.440	1.573.733	440.944.357
Tăng trong kỳ	1.432.731	562.727	1.306.565	83.990	-	108.060	3.494.073
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.248.139)	(54.400)	-	-	-	(1.302.539)
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>321.755.886</u>	<u>59.897.575</u>	<u>49.100.507</u>	<u>4.010.690</u>	<u>6.689.440</u>	<u>1.681.793</u>	<u>443.135.891</u>
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(50.712.061)	(20.292.559)	(18.877.583)	(2.226.828)	(2.852.506)	(927.466)	(95.889.003)
Tăng trong kỳ	(7.306.847)	(4.401.482)	(3.965.402)	(336.781)	(719.425)	(145.262)	(16.875.199)
Thanh lý, nhượng bán	-	428.792	1.295	-	-	-	430.087
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>(58.018.908)</u>	<u>(24.265.249)</u>	<u>(22.841.690)</u>	<u>(2.563.609)</u>	<u>(3.571.931)</u>	<u>(1.072.728)</u>	<u>(112.334.115)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>269.611.094</u>	<u>40.290.428</u>	<u>28.970.759</u>	<u>1.699.872</u>	<u>3.836.934</u>	<u>646.267</u>	<u>345.055.354</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>263.736.978</u>	<u>35.632.326</u>	<u>26.258.817</u>	<u>1.447.081</u>	<u>3.117.509</u>	<u>609.065</u>	<u>330.801.776</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	62.188.433	4.915.407	67.103.840
Tăng trong kỳ	-	10.256.566	10.256.566
Thanh lý, nhượng bán	(20.000.000)	-	(20.000.000)
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>42.188.433</u>	<u>15.171.973</u>	<u>57.360.406</u>
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	(2.634.585)	(2.634.585)
Tăng trong kỳ	-	(1.414.180)	(1.414.180)
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	-	<u>(4.048.765)</u>	<u>(4.048.765)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>62.188.433</u>	<u>2.280.822</u>	<u>64.469.255</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>42.188.433</u>	<u>11.123.208</u>	<u>53.311.641</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.076.579	30.715.685
Chi phí trồng cây cao su	22.072.022	23.389.781
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	-	129.918.903
Các công trình xây dựng khác	29.244.196	8.020.881
TỔNG CỘNG	<u>76.392.797</u>	<u>192.045.250</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngân VND</i>
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	15.001.180
Tăng trong kỳ	<u>-</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>15.001.180</u>
Giá trị hao mòn:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(250.020)
Tăng trong kỳ	<u>(375.029)</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>(625.049)</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>14.751.160</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>14.376.131</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp và các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 9 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	Đang hoạt động	92,13	3.830.831.000	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	85,72	3.253.537.647	98,18	3.253.537.647
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	93,75	1.547.179.575	92,78	1.531.579.575
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,78	1.241.736.052
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (i)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane (i)	Bất động sản	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	-	-
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
TỔNG CỘNG				10.097.451.550		10.064.072.560

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 9 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (*)	Chăn nuôi	3.882.950	45,00	38.829.500	-	-	-
TỔNG CỘNG				43.829.500			5.000.000

(*) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900985126 ngày 28 tháng 4 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 1 ngày 29 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, có vốn điều lệ 200.000.000 ngàn VNĐ và Công ty nắm giữ 45% tỷ lệ sở hữu trong BSTN, tương đương 9.000.000 cổ phần phổ thông. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty chưa góp đủ vốn vào BSTN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu (i)	464.108.784	116.473.034
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên SEA Games (ii)	105.090.051	104.561.755
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu	81.183.514	81.183.514
Các khoản đầu tư khác (iii)	296.987.388	62.781.438
TỔNG CỘNG	947.369.737	364.999.741

- (i) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.
- (ii) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên SEA Games thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản Ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	<i>Đô la Mỹ</i>	
	<i>9 tháng năm 2014</i>	<i>9 tháng năm 2013</i>
Số nợ gốc đầu kỳ	4.958.949	8.958.949
Được hoàn trả tiền trong kỳ	-	(4.000.000)
Số dư nợ gốc cuối kỳ	4.958.949	4.958.949
Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	105.090.051	102.116.994

- (iii) Giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư khác liên quan đến các khoản hợp tác đầu tư vào dự án trồng cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>9 tháng năm 2014</i>	<i>9 tháng năm 2013</i>
Số dư đầu kỳ	62.487.558	136.460.631
Tăng trong kỳ	18.237.429	27.142.434
Chi phí phân bổ trong kỳ	(35.193.168)	(41.609.101)
Điều chỉnh chi phí phát hành trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu	-	(74.089.398)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	-	(8.307.743)
Số dư cuối kỳ	45.531.819	39.596.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Vay dài hạn ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (<i>Thuyết minh số 24</i>)	1.708.621.155	595.012.182
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	589.223.900	836.105.239
TỔNG CỘNG	3.397.845.055	2.531.117.421

19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	59.755.663	44.503.357
Phải trả nhà thầu xây dựng	811.106	811.106
Phải trả mua máy móc thiết bị	663.158	-
TỔNG CỘNG	61.229.927	45.314.463

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 15.209.522 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Khách hàng thương mại trả tiền trước	492.935.895	444.609.744
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	284.159.028	-
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	22.988.738	95.254.885
TỔNG CỘNG	800.083.661	539.864.629

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 589.251.256 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.332.781	35.091.960
Thuế thu nhập cá nhân	796.782	935.842
Thuế giá trị gia tăng	406.999	629.442
Các khoản phải nộp khác	21.268	21.478
TỔNG CỘNG	14.557.830	36.678.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Chi phí lãi vay	153.208.562	206.652.420
Chi phí hoạt động	396.262	6.140.719
Các khoản khác	50.000	850.000
TỔNG CỘNG	<u>153.654.824</u>	<u>213.643.139</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	1.965.547.213	1.880.917.066
Các khoản khác	91.416.415	34.145.128
TỔNG CỘNG	<u>2.056.963.628</u>	<u>1.915.062.194</u>

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Trái phiếu thường	5.936.950.326	4.146.073.000
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	113.728.527	181.552.570
TỔNG CỘNG	<u>7.180.678.853</u>	<u>5.457.625.570</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (<i>Thuyết minh số 18</i>)	1.708.621.155	595.012.182
<i>Nợ dài hạn</i>	5.472.057.698	4.862.613.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngân VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2013						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	98.713.563	98.713.563
Chào bán cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu	1.074.742.100	(22.142.330)	-	-	-	1.052.599.770
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu quốc tế	733.094.340	685.608.546	-	-	-	1.418.702.886
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	4.935.678	(7.897.086)	(2.961.408)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(3.614.590)	(3.614.590)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	228.608.370	886.059.822	11.849.276.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2014							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	-	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	203.586.985	203.586.985
Thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ	-	-	(686.640)	-	-	-	(686.640)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	718.132.540	-	-	-	-	(718.132.540)	-
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ của chi phí phát hành cổ phiếu	-	(5.360.000)	-	-	-	-	(5.360.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	1.371.173	(2.193.877)	(822.704)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	(5.524.019)	(5.524.019)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	8.622.737	231.398.596	29.458.488	11.707.551.435

(*) Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2013 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện hành được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm). Nguồn vốn để phát hành cổ phiếu để chia cổ tức được lấy từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2014. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần và giảm lợi nhuận chưa phân phối 718.132.540 ngàn VNĐ. Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai mươi bốn (24) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên mức 7.899.679.470 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 *Cổ phiếu*

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	718.154.693
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.967.947</i>	<i>718.154.693</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>718.154.693</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.899.283</i>	<i>718.154.693</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngân VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	228.772.727	214.004.896	809.700.972	798.441.591
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	59.532.182	104.853.717	384.223.115	460.006.142
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	98.649.841	25.528.708	213.622.729	127.123.032
<i>Doanh thu căn hộ</i>	52.642.003	64.726.456	155.313.626	156.640.495
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	17.948.701	18.896.015	56.541.502	54.671.922
Các khoản giảm trừ doanh thu	(115.977)	(158.605)	(1.172.421)	(380.832)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	-	(904.000)	(346.661)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(98.483)	(158.605)	(250.927)	(34.171)
<i>Thuế xuất khẩu</i>	(17.494)	-	(17.494)	-
Doanh thu thuần	228.656.750	213.846.291	808.528.551	798.060.759
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	59.514.688	104.853.717	383.301.621	459.971.971
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	98.649.841	25.528.708	213.622.729	127.123.032
<i>Doanh thu căn hộ</i>	52.642.003	64.726.456	155.313.626	156.640.495
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	17.850.218	18.737.410	56.290.575	54.325.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	242.675.432	99.047.179	677.807.889	309.688.431
Cổ tức nhận được	116.487.639	35.779.574	116.487.639	39.279.574
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.036.687	18.100.076	37.967.636	52.666.134
Thu nhập từ các khoản đầu tư	6.158.675	90.443.500	7.502.143	512.737.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	(11.000)	28.312	8.722.637	4.681.650
Các khoản khác	-	110.000	-	110.000
TỔNG CỘNG	379.347.433	243.508.641	848.487.944	919.163.289

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	41.338.177	82.542.638	294.820.966	390.402.345
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	59.666.212	22.076.915	143.387.358	113.500.223
Giá vốn căn hộ	42.085.720	50.840.158	123.065.860	125.822.276
Giá vốn dịch vụ cung cấp	15.407.978	14.834.712	47.653.555	44.760.849
TỔNG CỘNG	158.498.087	170.294.423	608.927.739	674.485.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	245.293.408	216.171.076	685.148.827	727.740.826
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(30.785.150)	(6.000.000)	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu	4.072.966	13.031.288	11.060.999	41.007.827
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.508.008	3.932.094	6.614.121	5.314.769
Các khoản khác	18.573	6.192.314	98.574	9.954.914
TỔNG CỘNG	223.107.805	233.326.772	702.922.521	784.018.336

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.226.231	15.302.676	3.475.922	20.558.340
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	555.267	2.309.687	714.847	5.217.657
Các khoản khác	670.964	12.992.989	2.761.075	15.340.683
Chi phí khác	(1.160.577)	(20.889.318)	(2.874.990)	(40.377.672)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(542.977)	(2.298.405)	(1.445.927)	(5.201.875)
Các khoản phạt	(230.440)	(359.008)	(230.440)	(16.230.221)
Các khoản khác	(387.160)	(18.231.905)	(1.198.623)	(18.945.576)
GIÁ TRỊ THUẬN	65.654	(5.586.642)	600.932	(19.819.332)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>9 tháng năm 2014</i>	<i>9 tháng năm 2013</i>
Thuế TNDN hiện hành	28.134.881	32.003.287
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	329.723
TỔNG CỘNG	<u>28.134.881</u>	<u>32.333.010</u>

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>9 tháng năm 2014</i>	<i>9 tháng năm 2013</i>
Lợi nhuận trước thuế	231.721.866	131.046.573
Các khoản chi phí không được khấu trừ	12.421.155	12.786.449
Các khoản phạt	230.440	16.198.278
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(1.318.891)
Thu nhập cổ tức	(116.487.639)	(39.279.574)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	127.885.822	119.432.835
Chi phí thuế TNDN ước tính	28.134.881	29.858.209
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	2.145.078
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	28.134.881	32.003.287
Thuế TNDN phải trả đầu năm	35.091.960	36.706.743
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(49.894.060)	(7.408.264)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	-	(35.310.664)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	13.332.781	25.991.102

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			<i>Ngàn VNĐ</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	128.907.747
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	44.243.319
		Doanh thu bán tài sản cố định	555.267
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cổ tức được nhận	83.091.160
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	58.398.462
		Mua tài sản cố định	29.458.429
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	2.700.558
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.471.366
Mua hàng hóa	597.411		
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	86.894.127
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	19.410.019
		Doanh thu bán tài sản cố định	105.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	73.973.521
		Doanh thu khác	37.260
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	67.790.032
		Doanh thu	2.056.672
		hợp đồng xây dựng	1.768.605
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ Khác	90.700
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	34.305.104
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	14.980.671
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.740.199
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cổ tức được nhận	33.326.520
		Mua tài sản cố định	362.841
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	21.227.262
		Doanh thu	8.585.524
		hợp đồng xây dựng	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	26.575.000
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	26.304.801
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ	14.336.417
		Doanh thu	5.433.937
		hợp đồng xây dựng	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	13.628.833
		Mua dịch vụ	1.330.567
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí quảng cáo	9.750.000
		Doanh thu	2.939.286
		hợp đồng xây dựng	646.953
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ			
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	13.112.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Doanh thu bán hàng	6.036.043
		và hợp đồng xây dựng Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	2.204.167
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	3.182.960
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	3.990.350

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng</i>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	91.169.195
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	48.671.743
		Bán hàng hóa và dịch vụ	34.265
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	14.845.927
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	13.913.133
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	7.458.949
		Bán hàng hóa và dịch vụ	2.142.076
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	8.998.313
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	6.990.682
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	3.299.714
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.855.507
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	4.173.740
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	1.313.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng (tiếp theo)</i>			
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.518.454
TỔNG CỘNG			<u>207.384.966</u>
<i>Khoản trả trước cho người bán</i>			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước dịch vụ quảng cáo	<u>94.568.620</u>
<i>Các khoản phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	1.677.250.616
		Phải thu cổ tức	83.091.160
		Phải thu chuyển nhượng cổ phần	4.308.576
		Chi phí trả hộ	5.172.470
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	777.066.604
		Chi phí trả hộ	1.567.954
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	649.112.005
		Chi phí trả hộ	232.068
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	460.499.780
		Chi phí trả hộ	8.387.106
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	359.390.743
		Chi phí trả hộ	145.952
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	348.279.647
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	89.633.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	55.416.089
		Cho mượn tạm	11.933.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	54.325.167
		Chi phí trả hộ	838.711
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	42.783.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VNĐ</i> <i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu khác (tiếp theo)</i>			
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Công ty con	Cho mượn tạm Chi phí trả hộ	36.187.935 23.441
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	24.125.417
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho mượn tạm	18.791.500
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi Chi phí trả hộ	12.949.542 23.683
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhờ thu hộ	9.883.128
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhờ thu hộ	7.031.539
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xékông	Công ty con	Cho mượn tạm	507.206
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	649.814
TỔNG CỘNG			<u>4.739.607.931</u>
<i>Các khoản phải trả người bán</i>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	12.448.199
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	652.212
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua tài sản cố định	399.125
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	901.466
TỔNG CỘNG			<u>15.209.522</u>
<i>Các khoản người mua trả tiền trước</i>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	140.917.695
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	109.886.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau (tiếp theo):

			<i>Ngân VND</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản người mua trả tiền trước</i> (tiếp theo)			
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.442.955
		Ứng trước hợp đồng xây dựng	5.440.930
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.034.134
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	93.258.098
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	41.418.762
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	1.852.089
TỔNG CỘNG			<u>589.251.256</u>
<i>Các khoản phải trả khác</i>			
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	1.247.515.738
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	459.518.759
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	248.160.900
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Vay mượn tạm	450.000
TỔNG CỘNG			<u>1.965.547.213</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2014

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyền
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 10 năm 2014